

Chương 5. Chính sách và biện pháp thu hút đầu tư nước ngoài

■ Mục đích:

- Nghiên cứu các công cụ điều tiết, định hướng đầu tư nước ngoài (ĐTNN) của nước chủ nhà

■ Mục tiêu:

- Hiểu nội dung các chính sách, biện pháp thu hút ĐTNN
- Biết cách phân tích đánh giá các chính sách, biện pháp thu hút ĐTNN
- Đánh giá các chính sách, biện pháp thu hút ĐTNN của Việt Nam

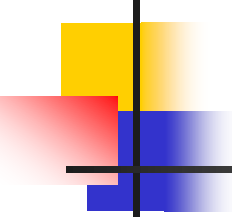
■ Nội dung:

- Các chính sách thu hút ĐTNN
- Các biện pháp thu hút ĐTNN



Khái niệm

- Chính sách thu hút ĐTNN là một bộ phận của các chính sách phát triển kinh tế của một quốc gia và được hoạch định để điều chỉnh các hoạt động ĐTNN nhằm đạt được các mục tiêu phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia trong từng giai đoạn cụ thể.



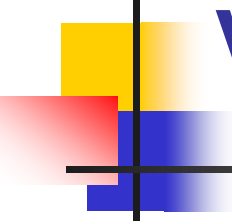
Đặc điểm của chính sách thu hút ĐTNN

- Có tính hệ thống cao, bao gồm các nguyên tắc, công cụ và biện pháp được Chính phủ nước chủ nhà áp dụng để điều chỉnh hoạt động ĐTNN
- Đối tượng điều chỉnh của chính sách là hoạt động đầu tư có yếu tố nước ngoài. Phải bảo hộ quyền sở hữu của nhà ĐTNN đối với toàn bộ vốn, tài sản, bí quyết kinh doanh, nhãn hiệu hàng hoá, kỹ năng quản lý...thuộc sở hữu nhà đầu tư nước ngoài.
- Phạm vi đối tượng điều chỉnh rộng. Đối tượng điều chỉnh của chính sách bao gồm nhiều nhà đầu tư đến từ các quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau. Mặt khác, FDI có liên quan chặt chẽ đến mạng lưới sản xuất quốc tế, do đó sự thay đổi của môi trường đầu tư của nước đầu tư hoặc khu vực có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đầu tư của nhà ĐTNN.
- Có ảnh hưởng phân hóa mạnh giữa các nhóm lợi ích ở nước chủ nhà đặc biệt là dễ dẫn đến sự mâu thuẫn, xung đột giữa các nhà đầu tư trong nước và ĐTNN.



Mục đích của chính sách

- Thu hút và duy trì vốn đầu tư
- Tạo điều kiện chuyển giao và lan tỏa công nghệ
- Khuyến khích nắm bắt những kỹ năng trong quản lý và phát triển nguồn nhân lực
- Thâm nhập thị trường quốc tế
- Tăng khả năng cạnh tranh quốc gia trong thu hút ĐTNN.



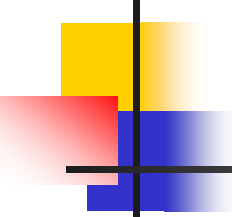
Vai trò của Chính sách FDI

- Đối với chính phủ nước chủ nhà :
 - tạo khuôn khổ ổn định để điều tiết có hiệu quả hoạt động ĐTNN, thể hiện rõ ràng, công khai thái độ và quan điểm của Chính phủ nước chủ nhà đối với thu hút ĐTNN.
 - điều tiết các nguồn lực ĐTNN phù hợp với định hướng phát triển chung của nền kinh tế. Chính sách ĐTNN được xây dựng căn cứ vào nhu cầu về vốn ĐTNN đối với phát triển kinh tế xã hội của nước chủ nhà
 - nâng cao hiệu quả các hoạt động thu hút và sử dụng nguồn vốn ĐTNN. Chính sách ĐTNN đưa ra các nguyên tắc, công cụ, biện pháp điều chỉnh hoạt động ĐTNN rõ ràng, tránh được tình trạng đầu tư tràn lan, thực hiện quy hoạch đầu tư nước ngoài có cơ sở khoa học, tạo nền tảng sử dụng nguồn vốn đầu tư tối ưu



Vai trò của Chính sách FDI (tiếp)

- Đối với các nhà đầu tư nước ngoài :
 - tạo căn cứ để nhà ĐTNN và doanh nghiệp trong nước lựa chọn được đối tác đầu tư phù hợp về công nghệ, ngành hàng, khả năng quản lý, chiến lược kinh doanh, văn hoá...
 - là văn bản pháp lý để các nhà ĐTNN và doanh nghiệp nước chủ nhà áp dụng các biện pháp xử lý tranh chấp phát sinh bao gồm các hình thức xử lý tranh chấp, các bước xử lý tranh chấp, cơ quan xử lý tranh chấp và các chế tài áp dụng.
 - bảo vệ và phát huy được lợi thế sở hữu của nhà ĐTNN.



Tổng hợp các chính sách, biện pháp thu hút ĐTNN

Các chính sách thu hút ĐTNN

1. Sở hữu và đảm bảo đầu tư
2. Lĩnh vực và định hướng đầu tư
3. Khuyến khích tài chính
4. Quản lý ngoại hối
5. Phê duyệt và quản lý đầu tư
6. Các chính sách khác

Các biện pháp thu hút ĐTNN

1. Xúc tiến đầu tư
2. Phát triển cơ sở hạ tầng
3. Phát triển nguồn nhân lực
4. Xây dựng khu chế xuất, khu CN



Sở hữu và đảm bảo đầu tư

- **Tỷ lệ sở hữu:**
 - Tuỳ theo hình thức đầu tư, lĩnh vực đầu tư
 - Các điều kiện khác: tỷ lệ xuất khẩu, qui mô đầu tư, chuyển giao công nghệ hiện đại...
- **Đảm bảo an toàn vốn cho nhà đầu tư:**
 - Cam kết không tịch thu, không quốc hữu hoá tài sản
 - Tạo điều kiện cho nhà ĐTNN chuyển lợi nhuận và tài sản về nước
- **Cơ sở pháp lý để đảm bảo:**
 - Luật pháp của nước chủ nhà
 - Các hiệp định song phương, đa biên



Chính sách của Việt Nam

- Luật ĐTNN1992: áp dụng thông lệ quốc tế “Nguyên tắc không hồi tố” khi có sự thay đổi về chính sách, pháp luật
- Luật ĐTNN năm 2005: Đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Được phép hưởng quyền lợi và ưu đãi theo quy định mới kể từ khi quy định có hiệu lực, Nhà đầu tư được phép lựa chọn theo quy định của điều ước quốc tế hoặc luật Việt Nam khi Việt Nam trở thành thành viên của điều ước quốc tế. Bồi thường hoặc mua theo giá thị trường tại thời điểm trưng thu, thanh toán bằng đồng tiền dễ chuyển đổi và được phép chuyển về nước



Định hướng và lĩnh vực đầu tư

- **Định hướng đầu tư:**
 - Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của nước chủ nhà
 - Các lĩnh vực ưu tiên
- **Lĩnh vực được khuyến khích hoặc hạn chế đầu tư:**
 - Các lĩnh vực được phép đầu tư để nhà đầu tư lựa chọn
 - Tăng hoặc giảm bảo hộ nội địa: Giảm hoặc tăng cạnh tranh, phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước.



Lĩnh vực đầu tư theo Luật ĐT 2005 của Việt Nam

- Luật ĐT 2005 qui định 03 nhóm :
 - Cấm đầu tư đối với DN trong nước và nước ngoài
 - Đầu tư có điều kiện đối với DN trong và ngoài nước
 - Đầu tư có điều kiện đối với DN nước ngoài
- Lĩnh vực ưu đãi đầu tư :
 - sản xuất vật liệu mới, năng lượng mới, sản phẩm công nghệ cao, công nghệ tin học, công nghệ thông tin,
 - phát triển nuôi trồng, chế biến nông lâm hải sản,
 - bảo vệ môi trường,
 - nghiên cứu phát triển và ươm tạo công nghệ cao, đầu tư vào nghiên cứu phát triển,
 - sử dụng nhiều lao động và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp....



Khuyến khích tài chính, tín dụng

- **Ưu đãi thuế hoặc miễn thuế:**
 - Danh mục và các mức thuế đối với nhà ĐTNN
 - Thông lệ quốc tế của các loại thuế: dễ hoặc có áp dụng đối với nhà ĐTNN
- **Ưu đãi tín dụng và các dịch vụ đầu tư:**
 - Trợ cấp, cho vay: giảm bớt khó khăn cho nhà đầu tư
 - Được sử dụng các dịch vụ như các nhà đầu tư trong nước



Ký kết hiệp định tránh đánh thuế 2 lần

- Đến giữa năm 2007, Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với 46 quốc gia (Trung Quốc, Canada, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài loan, Singapore, một số nước EU).
- Mức thuế lợi tức đối với nhà đầu tư nước ngoài biến động trong phạm vi từ 10-15%. Hiện Việt Nam hoãn thu thuế lợi tức đối với nhà đầu tư gián tiếp.

Đối với Anh là 7%; 10; 15% tùy theo mức độ quản lý các công ty trả cổ tức. Tuy nhiên trong hiệp định với Úc lại cho phép đánh thuế 15% trong khi Việt Nam chỉ áp dụng mức thuế 10%.

Thuế đối với thu nhập từ lãi suất, từ bản quyền và các khoản thu nhập khác chủ yếu ở mức 10%



Quản lý ngoại hối

- **Mở tài khoản tại ngân hàng:**
 - Thủ tục mở tài khoản
 - Điều kiện được mở tài khoản
- **Chính sách tỷ giá hối đoái và chuyển ngoại tệ vào và ra nước chủ nhà:**
 - Cơ chế tỷ giá hối đoái
 - Mức độ tự do chuyển ngoại tệ ra/vào



Phê duyệt và quản lý dự án đầu tư

- **Chính sách thẩm định và cấp giấy phép đầu tư:**
 - Thủ tục phê duyệt
 - Thời gian phê duyệt
- **Quản lý dự án sau cấp phép:**
 - Nhiều cấp kiểm tra, kiểm soát: gây phiền hà cho nhà đầu tư
 - Xử lý các vấn đề phát sinh



Các chính sách khác

- Chuyển giao công nghệ
- Bảo vệ môi trường
- Nhập khẩu máy móc thiết bị
- Sử dụng đất đai và giải phóng mặt bằng
- Quan hệ lao động, hải quan, nhập cảnh, cư trú...



Biện pháp xúc tiến đầu tư

■ **Sự cần thiết:**

- Giới thiệu để nhà đầu tư hiểu được môi trường đầu tư ở nước chủ nhà
- Tăng chủ động thu hút nhà đầu tư lớn: căn cứ để các TNCs xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn

■ **Các hình thức xúc tiến:**

- Cử các phái đoàn thăm quan và khảo sát sang các nước: trực tiếp cung cấp thông tin về môi trường đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài
- Quảng bá về môi trường đầu tư thông qua hội thảo, các phương tiện đại chúng
- Quảng bá thông qua các đại diện của nhà nước, doanh nghiệp ở nước ngoài



Phát triển cơ sở hạ tầng

- **Cơ sở hạ tầng cứng:**

- Hệ thống giao thông, điện, nước, thông tin...
- Mức cước phí, giá cả dịch vụ: phân biệt đối xử hay bình đẳng

- **Cơ sở hạ tầng mềm:**

- Hệ thống tài chính, ngân hàng
- Số, chất lượng và dịch vụ cung cấp lao động



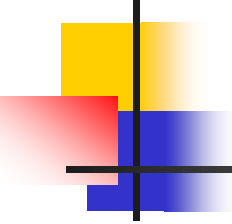
Xây dựng khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao

■ Khu chế xuất và khu công nghiệp:

- Xoá bỏ hoặc hạn chế rào cản, cung cấp nhân công rẻ
- Tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiếp cận thị trường nội địa (khu CN)
- Cung cấp dịch vụ thuận lợi, tạo điều kiện cho nhà đầu tư khai thác tính kinh tế từ qui mô, liên kết công nghiệp (kiểu cụm công nghiệp vệ tinh – cluster)

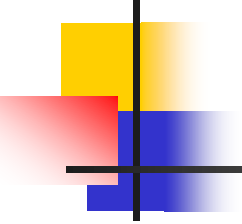
■ Khu kỹ thuật cao và mô hình “khu trong khu”:

- Đáp ứng được các ngành đòi hỏi nhiều dịch vụ (công nghệ) chất lượng cao
- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư lựa chọn chiến lược đầu tư, giảm chi phí giao dịch, nắm bắt nhanh chóng, kịp thời thông tin cập nhật..



Bốn loại đặc khu ở Việt Nam

- *Khu kinh tế*: Có ranh giới về địa lý, khác biệt với môi trường đầu tư, kinh doanh thông thường, tạo những điều kiện thuận lợi đặc biệt cho nhà đầu tư
- *Khu công nghệ cao*: Có ranh giới địa lý rõ ràng chuyên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao. (Điển hình là khu công nghệ cao Sài Gòn, xây dựng năm 2002 gần ĐH quốc gia TP Hồ Chí Minh)
- *Khu công nghiệp*: Có ranh giới địa lý, chuyên chế tạo sản phẩm công nghiệp và cung cấp các dịch vụ chế tạo công nghiệp
- *Khu chế xuất*: Khu công nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu và cung cấp các dịch vụ cho hoạt động xuất khẩu, chế tạo hàng xuất khẩu. (Điển hình: Khu chế xuất Tân Thuận)



Nguyên nhân thành công trong việc thu hút FDI vào các đặc khu

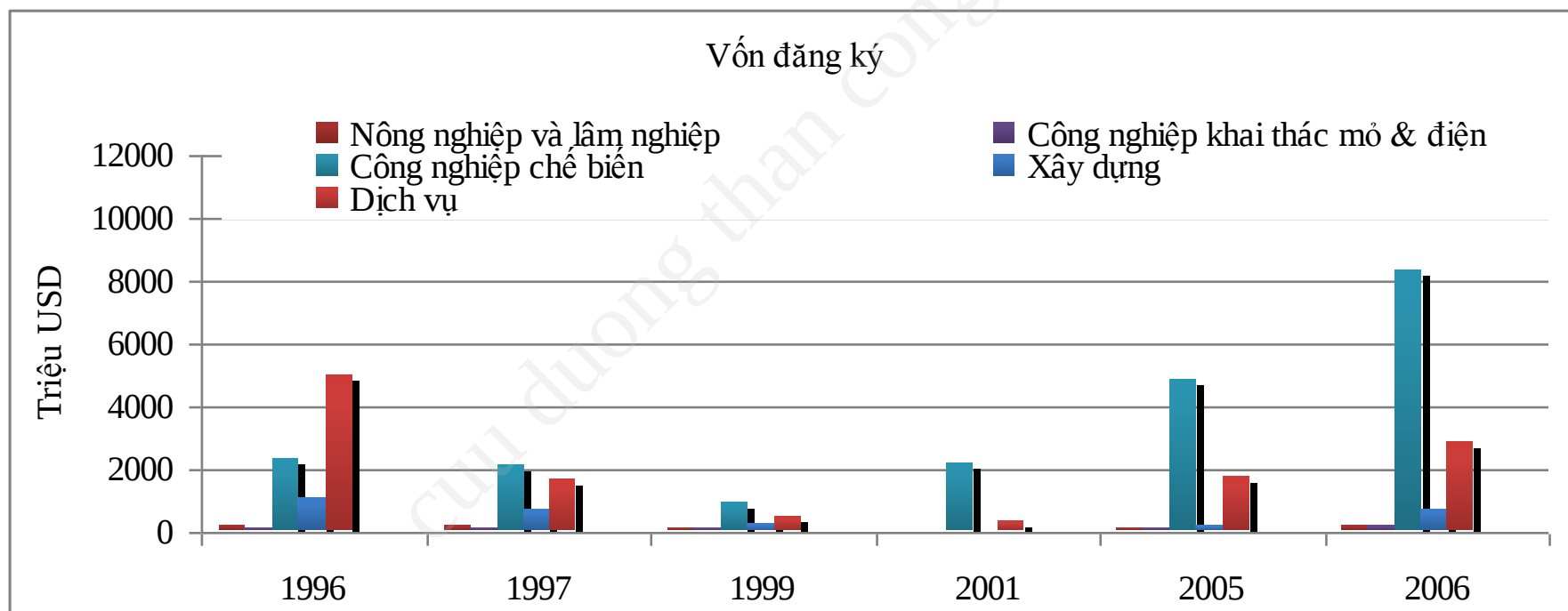
- Chất lượng cơ sở hạ tầng cao: Cấp điện tốt, giao thông và thông tin liên lạc đã được cải thiện
- Quỹ đất sẵn sàng: Đã giải phóng mặt bằng và đã được đăng ký là đất công nghiệp
- Dịch vụ tốt, giúp nhà đầu tư xin giấy phép và xin tư vấn nhanh
- Khuyến khích về tài chính. Theo Luật Đầu tư năm 2005 và Nghị định 24-2007 về thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Khu công nghiệp và khu chế xuất được hưởng ưu đãi tài chính như những "vùng kinh tế-xã hội khó khăn";
 - Khu kinh tế và khu công nghệ cao được hưởng ưu đãi về tài chính như những "vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn".
- Khu công nghiệp và khu chế xuất sẵn sàng cho việc hình thành các cụm công nghiệp

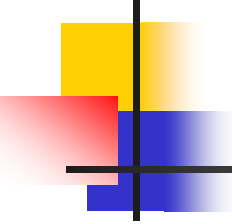
Liệu ưu đãi đầu tư có làm thay đổi cơ cấu FDI vào các ngành?

- Năm 2006 Cục Đầu tư nước ngoài tiến hành cuộc khảo sát “Cảm nhận về các yếu tố liên quan đến BTA và các yếu tố khác ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh của Việt Nam”:
- Xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư có hiệu quả (2,09 điểm).
- Tăng cường cải cách hành chính và tính minh bạch (2,16 điểm).
- Gia nhập WTO (2,23 điểm).
- Các yếu tố “mở cửa nhiều lĩnh vực hơn cho đầu tư nước ngoài” và “loại bỏ các quy định thiếu nhất quán” được 2,5 điểm, xếp vị trí thứ 8 và 9.
- yếu tố “đưa ra các ưu đãi nhiều hơn” chỉ xếp vị trí thứ 10 với 2,61 điểm.
- “Cải thiện cơ sở hạ tầng” được đánh giá 2,65 điểm, đứng ở vị trí thứ 11.
- Kết quả này chứng tỏ việc áp dụng ưu đãi để khuyến khích thu hút FDI vào các ngành mong muốn là quan trọng, nhưng không phải là yếu tố quyết định thu hút đầu tư. Yếu kém về hạ tầng cơ sở có lẽ có tính quyết định tới thực hiện đầu tư hơn là thu hút đầu tư.

Nguồn: Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2009

Xu hướng thay đổi FDI theo ngành sau mỗi lần điều chỉnh chính sách thông qua Luật Đầu tư nước ngoài vào các năm 1996, 2000, 2005





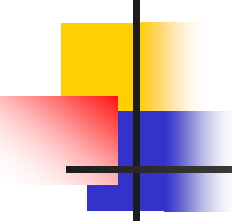
Trình độ công nghệ của FIEs tại thành phố HCM

- Mới đây, theo kết quả điều tra của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM tiến hành năm 2008 tại 429 doanh nghiệp đang hoạt động tại 11 KCN, KCX ở Thành phố HCM, thì chỉ có 1% doanh nghiệp có trình độ công nghệ^[1] đạt mức tiên tiến, 4% đạt loại khá, 8% trung bình khá, 36% đạt trung bình và tới 51% có trình độ công nghệ ở mức yếu. KCX Tân Thuận hiện đã được lấp đầy và phần lớn là FIEs, nhưng tới 61% số doanh nghiệp có trình độ công nghệ thấp.
- *Nguồn: Ngô Hoàng Minh, Ban Quản lý các KCN TP.Hồ Chí Minh và Trang tin điện tử của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (<http://www.vinasme.com.vn> ngày 7/1/2009.*
^[1] *Trình độ công nghệ được xác định dựa vào bốn tiêu chí: (1) máy móc thiết bị; (2) thông tin; (3) con người và (4) cách thức tổ chức hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.*

Tại sao qui định chuyển giao công nghệ kìm hãm tác động lan tỏa công nghệ của điều chỉnh chính sách đầu tư nước ngoài?

- Nghị định 45/1998/NĐ-CP ngày 01/07/1998 của Chính phủ qui định chi tiết về chuyển giao công nghệ nêu rõ:
 - Mức giá chuyển giao công nghệ không vượt quá 5% giá sản phẩm được sản xuất bằng công nghệ đó và không vượt quá 25% lợi nhuận sau thuế.
 - Góp vốn bằng công nghệ không được vượt quá 8-10% tổng vốn đầu tư tùy từng trường hợp cụ thể và không quá 20% vốn pháp định.
 - Thời hạn chuyển giao không quá 7 năm hoặc không quá 10 năm đối với một số trường hợp đặc biệt. Nghị định không phân biệt việc bán đứt công nghệ với chuyển giao có thời hạn.
 - Cấm đưa vào hợp đồng một số nội dung được cho là không có lợi cho bên nhận, như không được cấm tiếp tục sử dụng công nghệ sau thời hạn hợp đồng, không được hạn chế thị trường xuất khẩu, số sản phẩm xuất khẩu...
 - Phạm vi chuyển giao quá rộng, gồm cả tư vấn, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, thông tin, tư vấn... làm cho qui trình và thủ tục rất phức tạp, khiến đối tác khó có thể đáp ứng các yêu cầu.

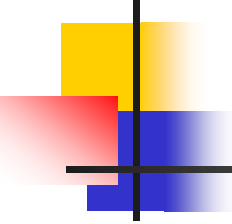
Nguồn: Phùng Xuân Nhạ, Điều chỉnh chính sách đầu tư nước ngoài trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, 2009.



Điều chỉnh qui định về chuyển giao công nghệ

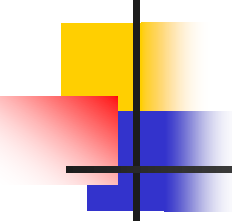
- 11/2005/NĐ-CP[1] năm 2005 và tiếp đó là Luật chuyển giao công nghệ năm 2008. Đồng thời Luật Đầu tư năm 2005 đã có chính sách ưu đãi đối với hoạt động chuyển giao công nghệ. Những điều chỉnh chính sách này làm tăng thêm hàng trăm hợp đồng chuyển giao công nghệ. Những tác động lan tỏa công nghệ là chưa đáng kể, thể hiện ở 10% doanh nghiệp vẫn sử dụng công nghệ của thập kỷ 70 (Thế kỷ XX), 30% của thập kỷ 80 và 50% của thập kỷ 90.
- [1] Nghị định 11/2005/NĐ-CP ngày 02/02/2005 của Chính phủ qui định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi).*

Nguồn: Nguyễn Thị Tuệ Anh, 2009



Trình độ công nghệ trong nước quá thấp: ví dụ ở các doanh nghiệp điện tử Việt Nam

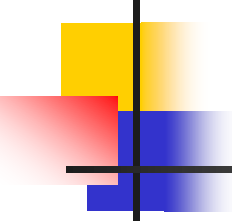
- Phần lớn doanh nghiệp điện tử Việt Nam có qui mô vừa và nhỏ, có công nghệ và trang thiết bị sản xuất lạc hậu khoảng 10-15 năm so với khu vực và thế giới. Tỷ lệ đầu tư đổi mới công nghệ trung bình chỉ ở mức 0,3% doanh thu, cao nhất cũng chỉ 1% đối với doanh nghiệp qui mô lớn. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với 5% của doanh nghiệp Ấn Độ cùng ngành, 10% của Hàn Quốc và 12% của Trung Quốc.
- *Nguồn: Hoàng Minh Trí. 2009. Sau 2 năm gia nhập WTO, nhiều khó khăn vẫn tồn tại đối với ngành Điện tử-Viễn Thông.*
<http://www.vhdn.vn> ngày 27/2/2009.



FDI đối với vấn đề môi trường

- Theo báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc, năm 2007, trong 110 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, chỉ có 53 dự án lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định, đạt 48,6%. Trong số 53 dự án, chỉ có 21 doanh nghiệp có hệ thống xử lý chất thải, đạt 39,6%. Nhiều doanh nghiệp lưu giữ hàng trăm tấn chất thải rắn, chất thải nguy hại mà chưa có hướng giải quyết hoặc lưu giữ tro thải sau khi thiêu huỷ chất thải rắn, thành phần chứa nhiều chất độc hại mà chưa có bãi chôn lấp đảm bảo; nhiều doanh nghiệp giao cho các tổ chức, cá nhân chưa có đủ điều kiện kỹ thuật thu gom, xử lý chất thải rắn; một số doanh nghiệp tự đốt chất thải ngay bên trong nhà máy gây ô nhiễm không khí.

■ *Nguồn: Phùng Xuân Nhạ, Điều chỉnh chính sách ĐTNN trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, 2009*

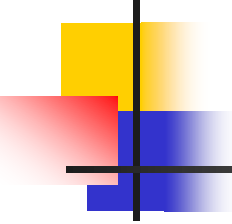


FDI đối với vấn đề môi trường

Theo báo cáo của Ban quản lý các KCN, KCX TP. Hồ Chí Minh:

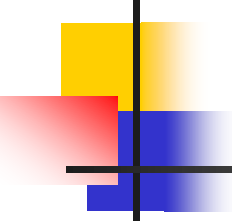
- trong 26 doanh nghiệp vi phạm luật bảo vệ môi trường năm 2008 được phát hiện thì có 3 doanh nghiệp nước ngoài, chiếm 11,5%. Tại KCN Lê Minh Xuân, 2 doanh nghiệp nước ngoài đều có hành vi xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép trong tháng 6/2007 và lặp lại hành vi vào tháng 6/2008.
- Tại KCN Tây Bắc Củ Chi, có 16 doanh nghiệp nước ngoài trong tổng số 37 doanh nghiệp đang hoạt động. Một trường hợp duy nhất vi phạm luật bảo vệ môi trường và lặp lại hành vi vi phạm vào tháng 12/2006 và tháng 8/2008 là doanh nghiệp nước ngoài

Nguồn: Phùng Xuân Nhạ, Điều chỉnh chính sách ĐTNN trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, 2009



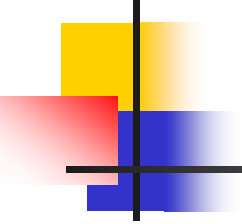
Các vấn đề cần nghiên cứu tiếp

- Rủi ro chính trị khi đầu tư ra nước ngoài
- Hạn chế của tự do hoá đầu tư đối với nước chủ nhà
- Ảnh hưởng của tính minh bạch, phân biệt đối xử trong thu hút ĐTNN
- Tác động của chính sách bảo hộ trong thu hút đầu tư nước ngoài



Tài liệu tham khảo thêm

- Phùng Xuân Nhạ (chủ trì đề tài), 2009, Điều chỉnh chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam trong tiến trình Hội nhập kinh tế quốc tế, Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia HN. Mã số QGTĐ.07.08
- Joong Wan Cho, Foreign direct investment: Determinants, Trend in Flow and Promotion Policies, Investment Promotion and Enterprise development, tr.99-112
- Bruce Blonigen, April 2005, A review of Empirical literature on FDI Determinants, University of Oregon and NBER
- UNCTAD, Investment Policy of Vietnam, Nov. 2007
- UNCTAD, World Investment Report 1995, tr. 272-350
- Tìm thêm tài liệu từ Internet



Hướng dẫn đọc tài liệu cho chương 6

- **Tài liệu đọc cho chương 6:**

- Tài liệu bắt buộc: Giáo trình ĐTQT (tr.146-177); tài liệu tham khảo
- Tìm tài liệu trên internet
- World Investment Report, 2006, tr.3-23
2007, tr. 23-28; 33-73
2008, tr. 10-20